

THỐNG KÊ SỨC KHỎE

Đầu năm học 2023-2024 (tháng 9/2023)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BĐTT	TS THEO DÕI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THẺ NHẸ CÂN	TS THEO DÕI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THẺ THẤP CÒI	TS THEO DÕI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	9	187	0	187	187	5	187	3	182	35

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Lan

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

TỔNG HỢP THEO DỐI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 9
Năm học: 2023-2024

STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI												Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn		
1	Phạm Thị Huyền Trang Phan Thị Hồng Cúc	Lá 1	33	17		23	0	0	31	2	0	0	0	2	8	0		
2	Võ Thị Thúy Hằng Ngô Thị Thu Thủy	Lá 2	34	16		26	3	0	34	0	0	0	0	1	4	0		
3	Trần Thị Bạch Huệ Lâm Kim Ngọc Trâm	Lá 3	34	13		27	0	0	34	0	0	0	0	3	4	0		
4	Huỳnh Thị Kim Liên Ngô Thị Ngọc Mai	Chồi 1	30	15		27	0	0	30	0	0	0	0	0	3	0		
5	Nguyễn Thị Thu Thảo	Chồi 2	26	13		21	1	0	26	0	0	0	0	3	1	0		
6	Trần Thị Ngọc Hương Võ Thị Ngọc Oanh	Chồi 3	30	13		23	1	0	29	1	0	0	0	1	5	0		
TỔNG CỘNG		6	187	87		147	5	0	184	3	0	0	0	10	25	0		
TỈ LỆ (%)			100	47.1		78.6	2.7	0.0	98.4	1.6	0.0	0.0	0.0	5.3	13.4	0.0		

ĐƯỢC BGH
TRƯỜNG
MẦU GIÁO
THUẬN THÀNH
Phạm Thị Hồng Lan

Lập bảng
(NV Y Tế)
Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 1 THÁNG 9
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Nguyễn Hoàng Nhã Phương	02/01/2018	x	15		104			
2	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	13/01/2018	x	23		116			
3	Nguyễn Trịnh Gia Phú	26/01/2018				120		25	
4	Văn Thái Tiểu Mai	05/02/2018	x	20		110			
5	Võ Phúc Lâm	05/02/2018		21.5		115			
6	Võ Hoàng Tài Lộc	15/02/2018		18		114			
7	Lê Hoài Khánh Vy	02/03/2018	x			122			37
8	Phan Nguyễn Ngọc Hào	20/03/2018	x			115		24	
9	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	29/03/2018	x			124			34
10	Nguyễn Thị Hà Vy	9/4/2018	x	15		103			
11	Phan Bình An	20/4/2018				119			30
12	Bùi Trần Thanh Thơ	19/04/2018	x	19		113			
13	Lê Văn Ngọc Sơn	6/5/2018		24		120			
14	Phạm Thị Bảo Trâm	03/7/2018	x	17		110			
15	Trần Hoàng Ngọc Châu	08/07/2018	x	16.5		106			
16	Khê Minh Hiếu	19/7/2018				117			30
17	Lê Thành Phát	22/07/2018		23		118			
18	Nguyễn Bảo Hân	24/07/2018	x	20		115			
19	Ngô Mạnh Hiền	26/07/2018		19.5		110			
20	Lê Minh Thắng	3/8/2018		22		115			
21	Lê Đức Thịnh	06/08/2018		21		113			
22	Nguyễn Hoàng Dương	03/09/2018				124			32
23	Nguyễn Lê Gia Phúc	25/09/2018		15			97		
24	Bùi Ngọc Phương Trúc	05/10/2018	x	15			98		
25	Nguyễn An An	08/10/2018	x	20		105			
26	Võ Thị Thảo Tiên	09/10/2018	x	16		100			
27	Lê Ngọc Gia Hân	01/11/2018	x	20		105			
28	Nguyễn Thiên Phú	06/11/2018		19		113			
29	Nguyễn Tấn Tài	17/11/2018				103			30
30	Thiêm Ngọc Minh Thu	27/11/2018	x	22		115			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Võ Ngọc Kim Trúc	30/11/2018	x	18		110			
32	Đoàn Nguyễn An Bình	10/12/2018				110			31
33	Phan Nguyễn Quốc Việt	22/12/2018				111			30
TỔNG CỘNG		33	17	23		31	2	2	8
TỶ LỆ (%)		100	51.5	69.6		93.9	6	6	24.2

DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)



Phạm Thị Huyền Trang .
Phan Thị Hồng Cúc..

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 2 THÁNG 9

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Quốc Huy	3/01/2019		20		110			
2	Nguyễn Kim Vương	25/01/2018		22.5		118			
3	Nguyễn Phúc Khang	25/01/2018		18		108			
4	Lê Tuấn Kiệt	26/01/2018			15	110			
5	Trần Ngọc Yến Nhi	8/02/2018	x		14.5	109			
6	Võ Gia Khiêm	19/02/2019		19		108			
7	Trần Ngọc Bích	24/02/2018	x	19		108			
8	Bùi Tiến Dũng	07/03/2018				120			30
9	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/04/2018	x			112			25
10	Hà Thị Mỹ Tiên	05/5/2018	x	20.5		112			
11	Lâm Võ Minh Thi	02/06/2018	x	16		102			
12	Kiều Lâm Bảo Ngọc	17/06/2018	x	18		110			
13	Nguyễn Lâm Hùng Vỹ	03/07/2018		15		105			
14	Phạm Thị Kim Ngân	16/07/2018	x	17.5		110			
15	Võ Ngọc Minh Khuê	19/07/2018	x	19		110			
16	Trương Tuệ Nghi	27/07/2018	x	17		110			
17	Nguyễn Bảo Ngọc	30/07/2018	x	17.5		105			
18	Nguyễn Phạm Ngọc Giàu	02/8/2018		15		101			
19	Nguyễn Ngọc Khả Hân	11/08/2018	x	16		110			
20	Phan Minh Đăng	25/08/2018		18		113			
21	Phạm Thiên Minh	14/09/2018				119			35
22	Lê Hoàng Thiên Ý	18/09/2018	x		13.5	109			
23	Huỳnh Nguyễn Phúc Xuân	18/09/2018	x	21		111			
24	Nguyễn Trọng Hiếu	26/09/2018				121			37.5
25	Phạm Khánh Vân	13/10/2018	x	19		108			
26	Nguyễn Huỳnh Thiên	4/11/2018		20		112			
27	Trần Gia Bảo	20/11/2018		26		118			
28	Trần Công Duy	22/11/2018		15		105			
29	Trần Phương Anh	01/12/2018	x	15		104			
30	Nguyễn Lê Thành Đạt	07/12/2018				113		26	

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Hoàng Minh Hiếu	14/12/2018		15		106			
32	Phan Nhật Bình An	16/12/2018		17		106			
33	Lê Ngọc Thúy Hằng	16/12/2018	x	16.5		104			
34	Bùi Hùng Cường	29/12/2018		18		115			
TỔNG CỘNG		34	16	26	3	34		1	4
TỶ LỆ (%)		100	47	76.4	8.8	100		2.9	11.7



DUYỆT BGH

GVCN

**Lập bảng
(NV Y Tế)**

Võ Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Thu Thủy

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LÁ 3 THÁNG 9
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Quang Khải	03/01/2018		18		105			
2	Ngô Thị Kim Tuyên	04/01/2018	x	19		115			
3	Lê Tấn Trường	13/01/2018				118			28
4	Huỳnh Anh Thư	18/01/2018	x			113		23.5	
5	Lê Hoàng Tú	24/01/2018				116			30
6	Nguyễn Bá Hữu	02/03/2018		22		115			
7	Trần Võ Duy Khoa	05/03/2018		17		108			
8	Đoàn Thiên Long	12/03/2018		18		110			
9	Dương Bình Minh	25/4/2018		18		110			
10	Dương Quang Khải	12/04/2018		19		115			
11	Võ Hào Quang Hải	8/5/2018		18		108			
12	Dương Minh Châu	3/5/2018	x	15.5		102			
13	Dương Gia Bảo	11/5/2018		20		112			
14	Dương Minh Ngọc	21/5/2018	x	17		110			
15	Phạm Gia Huy	30/5/2018		18		105			
16	Dương Minh Anh	30/5/2018	x	18.5		111			
17	Dương Minh Hằng	9/6/2018	x	14.5		103			
18	Lâm Trường Vũ	14/06/2018		17.5		105			
19	Dương Minh Phúc	19/6/2018		19		111			
20	Lê Nhật Huy	15/07/2018		19		108			
21	Trần Ngọc Uyên Thư	24/7/2018	x	20		113			
22	Cao Nguyễn Hoài Thương	13/08/2018	x			111			29
23	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	27/08/2018	x	17		102			
24	Huỳnh Thế Khải	06/09/2018				112		26	
25	Phan Đỗ Huỳnh Lý Boon	23/9/2018		22		110			
26	Nguyễn Trần Bảo Châu	19/10/2018	x	22		109			
27	Nguyễn Thành Nhân	29/10/2018		20		111			
28	Đoàn Ngọc Lan Vy	07/11/2018	x			111		24	
29	Lê Hoàng Thắng	16/11/2018		20		105			
30	Huỳnh Nhật Hiếu	16/11/2018		15		101			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Phan Ánh Kim	09/12/2018	x	22		110			
32	Huỳnh Minh Khang	22/12/2018		15		105			
33	Lê Đỗ Hoàng Khang	29/12/2018				111			30
34	Ngô Thị Thanh Loan	30/12/2018	x	16.5		104			
TỔNG CỘNG		34	13	27		34		3	4
TỶ LỆ (%)		100	38.2	79.4		100		8.8	11.7

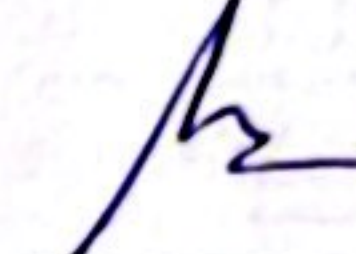
DUYỆT BGH



GVCN

Trần Thị Bạch Huệ ...
Lâm Kim Ngọc Trâm ...

**Lập bảng
(NV Y Tế)**


Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 1 THÁNG 9
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Văn Minh Hạo	13/1/2019				100			22
2	Nguyễn Tuấn Khoa	14/1/2019		18		111			
3	Nguyễn Ánh Dương	14/01/2019	x	21		110			
4	Đặng Ngọc Minh Anh	18/01/2019	x			106			23
5	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	9/2/2019	x	20		109			
6	Nguyễn Thành Đạt	7/3/2019		17		107			
7	Nguyễn Lê Quỳnh Như	17/3/2019	x	15		102			
8	Nguyễn Kim An	20/3/2019	x	15		97			
9	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	31/3/2019	x	17		105			
10	Đoàn Huyền Anh	8/4/2019	x	17		102			
11	Nguyễn Hữu Vinh	17/4/2019		16.5		102			
12	Nguyễn Minh Tân	23/4/2019				118			36
13	Lưu Minh Thiên Phú	17/5/2019		23		112			
14	Nguyễn Hồ Phương Quỳnh	23/5/2019	x	20		110			
15	Nguyễn Lê Hiếu Tín	31/7/2019		15		100			
16	Nguyễn Thị Kim Anh	9/8/2019	x	18		100			
17	Trần Minh Đạt	18/8/2019		18		106			
18	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/8/2019	x	15.5		102			
19	Nguyễn Trần Thanh Hà	01/9/2019	x	15.5		101			
20	Đào Ngọc Kiều Lan	14/9/2019	x	14		95			
21	Phan Minh Mẫn	4/10/2019		15		96			
22	Đoàn Ngọc Trúc Quỳnh	16/10/2019	x	18		105			
23	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	16/10/2019	x	16		101			
24	Nguyễn Hoàng Tấn Phúc	5/11/2019		17		106			
25	Trần Nguyễn Thanh Duy	2/7/2019		17		104			
26	Trương Hoàng Lâm	9/11/2019		14		95			
27	Tôn Nguyễn Minh Thiện	26/11/2019		15		95			
28	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/11/2019	x	20		105			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Đông Quân	28/12/2019		19		103			
30	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	28/12/2019		18		105			
TỔNG CỘNG		30	15	27		30		0	3
TỶ LỆ (%)		100	50	90		100			10



DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)

Huỳnh Thị Kim Liên

Ngô Thị Ngọc Mai

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 2 THÁNG 9

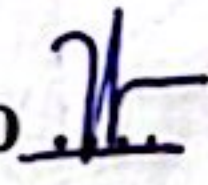
Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Cao Thái Trân	11/01/2019	x			110		25	
2	Đỗ Ngọc Xuân Nhã	12/01/2019	x		13	99			
3	Vũ Nguyễn Lưu Thịnh	16/01/2019		15		105			
4	Lâm Phước Như Ý	31/1/2019	x	20		110			
5	Nguyễn Trần Gia Huy	3/2/2019		18		100			
6	Nguyễn Minh Đăng	20/3/2019				97		18	
7	Lê Bùi Bích Trâm	19/3/2019	x	17		106			
8	Khuru Thanh Lờ	5/4/2019		18.5		109			
9	Mai Thái Gia Hào	30/4/2019	x	15		100			
10	Võ Ngọc Thủy Tiên	14/5/2019	x	18		108			
11	Nguyễn Ngọc Hà Phương	15/5/2019	x	14		100			
12	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/6/2019		16		100			
13	Phan Ngọc Khánh My	26/6/2019	x			110		25	
14	Phan Lê Đăng Khang	24/7/2019		14.5		97			
15	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	29/7/2019	x	17		103			
16	Trần Nhật Bảo Khang	3/8/2019		17		104			
17	Lê Trần Đan Thư	12/8/2019	x			104			23
18	Nguyễn Minh Thư	13/8/2019	x	13		95			
19	Nguyễn Trung Kiên	13/8/2019		20		108			
20	Lê Ngọc Như Ý	19/8/2019	x	14.5		97			
21	Từ Hồng Anh	23/9/2019		19		107			
22	Võ Bá Hiền	30/9/2019		17		105			
23	Nguyễn Thiên Ân	13/11/2019		16		104			
24	Lê Khải Điền	9/12/2019		17		105			

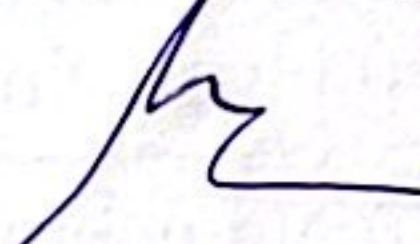
STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
25	Nguyễn Võ Thiên Phước	20/12/2019		14		97			
26	Cao Phương Quỳnh	20/12/2019	x	18		99			
TỔNG CỘNG		26	13	21	1	26		3	1
TỶ LỆ (%)			50	80.7	3.8	100		11.5	3.8

**DUYỆT BGH**
Phạm Thị Hồng Lan

GVCN

Nguyễn Thị Thu Thảo 

**Lập bảng
(NV Y Tế)**


Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2023

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ CHƠI 3 THÁNG 9

Năm học: 2023-2024

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trần Nguyễn Bảo Khang	12/1/2019		18		105			
2	Ngô Minh Tiến	15/1/2019		24.5		115			
3	Phan Ngọc Mai	28/01/2019	x	14.5		100			
4	Lê Hải Phong	3/2/2019		21		110			
5	Mai An Nhiên	15/02/2019	x	24		113			
6	Nguyễn An Phước	17/2/2019		18		105			
7	Phan Thành Đạt	21/2/2019		21		108			
8	Đặng Phan Thiên Phúc	7/3/2019		16		108			
9	Nguyễn Thị Lan Vy	22/3/2019	x	14		103			
10	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	30/3/2019	x			114			30
11	Huỳnh Nguyên Bảo	8/4/2019				108			27
12	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/4/2019				117			36
13	Lương Quỳnh Hiểu Lam	29/4/2019	x	15		102			
14	Trần Võ Sơn Trà	5/6/2019	x	17		102			
15	Nguyễn Minh Trường	8/6/2019		15			95		
16	Lương Thanh Bảo Khang	12/6/2019			13	100			
17	Nguyễn Gia Khánh	15/7/2019				118			36
18	Hồ Tấn Phát	20/7/2019		20		105			
19	Trần Cao Lâm	27/7/2019		19		105			
20	Cam Nguyễn An Nhiên	5/8/2019	x			105		22	
21	Đỗ Trần Gia Hưng	14/8/2019		16		100			
22	Trần Duy Phúc	20/8/2019		18		104			
23	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	28/8/2019	x	17.5		100			
24	Nguyễn Anh Tuấn	31/8/2019		19		106			
25	Trần Huyền Bảo Khánh	25/9/2019	x	14		99			
26	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/9/2019	x	15		98			
27	Phạm Linh Chi	17/10/2019	x			103			30
28	Huỳnh Vĩnh Khang	17/11/2019		15		102			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
29	Trần Thị Trúc Mai	4/12/2019	x	15		95			
30	Nguyễn Trúc Quỳnh	30/12/2019	x	14		96			
TỔNG CỘNG		30	13	23	1	29	1	1	5
TỶ LỆ (%)		100	43.3	76.6		96.6	3.3	3.3	16.6



DUYỆT BGH

GVCN

Lập bảng
(NV Y Tế)

Trần Thị Ngọc Hương
Võ Thị Ngọc Oanh

Phạm Thị Thanh Hằng

Phạm Thị Hồng Lan